

CÔNG TY ĐẤU GIÁ
HỢP DANH BÌNH PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----***-----

-----***-----

Số: 710/2026/TBĐG-BP

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2026

SỔ TƯ PHÁP TỈNH GIA LAI

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

ĐẾN SỐ: 1060.2
Ngày: 24/4/2026

(Quyền sử dụng đất ở tại các khu quy hoạch dân cư trên địa bàn phường
Hoài Nhơn Bắc (Đợt 1 - năm 2026))

Chuyên: ...
Lưu hồ sơ số: ...

1. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất ở tại các khu quy hoạch dân cư trên địa bàn phường
Hoài Nhơn Bắc (Đợt 1- năm 2026)

- Tổng số lượng các lô đấu giá quyền sử dụng đất: 75 lô.
- Tổng diện tích: 10.057,27 m².
- Các chỉ tiêu về quy hoạch kiến trúc: Thực hiện theo các quyết định quy hoạch chi tiết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác có liên quan.
- Tổng giá khởi điểm: **86.585.371.000 đồng** (Bằng chữ: Tám mươi sáu tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi một nghìn đồng).

(Vị trí, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, bước giá các lô đất của từng phiên đấu giá có phụ lục chi tiết kèm theo thông báo đấu giá số 710/2026/TBĐG-BP ngày 24/4/2026).

2. Người có tài sản đấu giá:

Ban Quản lý phường Hoài Nhơn Bắc

Địa chỉ: Khu phố Quy Thuận, phường Hoài Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai.

3. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản :

Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phú.

Địa chỉ: Lô 24 - khu Đ05, Đường A2 khu TĐC Đê Đông – Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

4. Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và tổ chức phiên đấu giá, cụ thể:

Phiên đấu giá ngày: 14/5/2026 (thứ 5) gồm 75 lô đất tại KDC phía Đông QL1A cũ, khu phố Công Thạnh; KDC khu phố Liễu An (KDC ngoài nhà ông Tám).

(Ký hiệu, vị trí, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, bước giá của từng lô đất: Có phụ lục kèm theo thông báo 710/2026/TBĐG-BP ngày 24/4/2026).

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá:

+ Tại Trụ sở Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phú: Trong giờ hành chính các ngày làm việc, liên tục kể từ ngày ra thông báo đến 16 giờ 00 phút ngày **10/05/2026**.

+ Tại Hội trường UBND phường Hoài Nhơn Bắc (Địa chỉ: Số 282 Nguyễn Chí Thanh, khu phố Tân Thành 1, phường Hoài Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai): **Từ 08 giờ 00 phút đến 16 giờ 00 phút, ngày 11/5/2026.**

- Thời gian nộp tiền đặt trước: Đến 16 giờ 00 phút, ngày 11/5/2026.

- Tổ chức đấu giá: từ 08 giờ 00 phút, ngày 14/5/2026 (thứ 5), tại Hội trường UBND phường Hoài Nhơn Bắc (Địa chỉ: Số 282 Nguyễn Chí Thanh, khu phố Tân Thành 1, phường Hoài Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai).

5. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Tất cả các cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, có nhu cầu mua đất để xây dựng nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, trừ các trường hợp pháp luật quy định không được phép tham gia đấu giá; phải nộp hồ sơ mời tham gia đấu giá hợp lệ và khoản tiền đặt trước theo đúng quy định.

- Không được tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó;

- Bộ hồ sơ mời tham gia đấu giá hợp lệ, gồm các loại chứng từ, cụ thể:

+ 01 Giấy đăng ký tham gia đấu giá (theo mẫu Công ty ĐGHD Bình Phú phát hành);

+ Photo 01 bản Căn cước công dân/Căn cước (còn thời hiệu) và photo hình ảnh chụp lại CCCD điện tử trên VneID;

+ 01 bản gốc/ bản photo Chứng từ nộp tiền của tiền đặt trước nộp riêng từng lô đất và nộp đúng số tiền theo Thông báo;

+ 01 bản gốc chứng từ nộp tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá nộp riêng từng lô đất và nộp đúng số tiền theo Thông báo;

+ 01 phiếu trả giá gián tiếp (vòng 1) đựng trong bì thư, có ghi họ tên người tham gia đấu giá, tài sản đấu giá, niêm phong và ký giáp lai.

→ Các loại giấy tờ trên: bấm theo từng lô riêng biệt, bỏ vào bì thư do công ty cung cấp có ghi họ tên khách hàng tham gia và nộp vào thùng Hồ sơ khách hàng.

Lưu ý: Hồ sơ ghi đầy đủ nội dung, không được tẩy, xóa; không được sửa đổi, bấm theo từng lô và có chữ ký của người đăng ký. Nếu vi phạm, xem như không hợp lệ. Khách hàng sử dụng bút bi xanh, màu mực không thể xóa được; Nếu hồ sơ viết bằng bút bi mờ (có thể tẩy xóa được): hồ sơ không hợp lệ.

6. Nộp khoản tiền đặt trước tham gia đấu giá:

Tên tài khoản nộp: Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Phú:

- Số tài khoản: 522019010002 tại Ngân hàng Sacombank - CN Tam Quan

- Số tài khoản: 4300000064123 tại Ngân hàng Agribank - CN Bình Định

- Số tài khoản: 5819064123 tại Ngân hàng BIDV – CN Phú Tài

- Số tài khoản: 118002780120 tại Ngân hàng Vietinbank - CN Phú Tài

- Số tài khoản: 9914064123 tại Ngân hàng Vietcombank – CN Quy Nhơn

Lưu ý:

+ Cách thức nộp Tiền đặt trước tham gia đấu giá: nộp riêng từng lô vào tài khoản ngân hàng của Công ty đấu giá hợp danh Bình Phú.

+ Nội dung ghi trong Giấy chuyển tiền: ghi tên người tham gia đấu giá + địa điểm lô đất tại phường. (Ví dụ: Nguyễn Văn A nộp tiền đấu giá đất phường...). Nếu không ghi nội dung tên người tham gia đấu giá và địa điểm cụ thể: hồ sơ không hợp lệ.

+ **Chứng từ nộp tiền:** nộp Bản chính hoặc bản sao;

Nếu chuyển tiền qua banking: chứng từ đó phải thể hiện Giao dịch đã thành công, Mã số giao dịch, Thời gian giao dịch, Tên người tham gia đấu giá, Địa điểm lô đất (phường);

Mỗi chứng từ nộp tiền: chỉ dùng cho 01 lô đất. Nếu trùng chứng từ nộp tiền, xem như hồ sơ các lô đất khác không hợp lệ.

+ **Phải nộp đúng số tiền Thông báo, tất cả trường hợp không đúng số tiền Thông báo đều không hợp lệ, (mỗi lô đất nộp 01 phiếu nộp tiền đặt trước).**

7. Hình thức và phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Kết hợp giữa Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp tại vòng 01 (lấy 03 mức giá cao nhất vào vòng 02) và đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá từ vòng 02 trở đi.

- Phương thức đấu giá: trả giá lên, bán riêng từng lô.

- **Quy định về giá trả tại vòng 1 (vòng bỏ phiếu gián tiếp):** Người tham gia đấu giá bắt buộc phải trả giá và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm nhưng phải **tròn bước giá**. (Ví dụ: giá trả = giá khởi điểm + n bước giá, với $n \geq 0$ và là số nguyên).

+ **Ví dụ cách trả giá:** Lô đất số 01 – khu G có giá khởi điểm: 100 triệu đồng, bước giá: 10 triệu đồng. Người tham gia đấu giá ghi phiếu trả giá chọn ghi như sau:

* Bước giá trả cộng thêm bằng số là: 0 bước, 01 bước, 02 bước, 03 bước,

* Bước giá trả cộng thêm bằng chữ là: khởi điểm, một bước, hai bước, ba bước,

+ Và phải ghi đầy đủ 02 mục bằng chữ và bằng số: trong phiếu trả giá.

8. Quy định về giá trúng đấu giá:

Giá trúng đấu giá = Giá khởi điểm + n bước giá, với $n \geq 0$ và là số nguyên.

9. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá: Liên tục kể từ ngày ra thông báo cho đến trước ngày tổ chức cuộc đấu giá, tại nơi tọa lạc của lô đất.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ:

- Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Phú.

Địa chỉ: Lô 24 - khu Đ05, Đường A2 khu TĐC Đê Đông – Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

- Ban Quản lý phường Hoài Nhơn Bắc.

Địa chỉ: Khu phố Quy Thuận, phường Hoài Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai.

- UBND phường Hoài Nhơn Bắc.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp, Sở Tài chính đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan;
- Ban Quản lý phường Hoài Nhơn Bắc – niêm yết;
- UBND phường Hoài Nhơn Bắc – niêm yết;
- Đăng tải trang thông tin điện tử công ty;
- Niêm yết, lưu Công ty.



PHỤ LỤC

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI CÁC KHU QUY HOẠCH DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG HOÀI NHƠN BẮC (ĐỢT 1 - NĂM 2026)

Thời gian, địa điểm bán hồ sơ đăng ký, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và phiếu trả giá:

+ Tại Trụ sở Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phú: Trong giờ hành chính các ngày làm việc, liên tục kể từ ngày ra thông báo đến ngày 10/5/2026.

+ Tại Hội trường UBND phường Hoài Nhơn Bắc (Địa chỉ: Số 282 Nguyễn Chí Thanh, khu phố Tân Thành 1, phường Hoài Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai): Từ 08h00' đến 16h00', ngày 11/5/2026.

Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá: vào lúc 08h00 ngày 14/5/2026 (Thứ 5) tại Hội trường UBND phường Hoài Nhơn Bắc (Địa chỉ: Số 282 Nguyễn Chí Thanh, khu phố Tân Thành 1, phường Hoài Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai).

STT	Đơn vị xã, phường và tục danh khu đất/ Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm để đấu giá		Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Ghi chú
			Giá đất (đồng/m ²)	Thành Tiền (đồng)				
I	Khu dân cư Khu phố Liễu An (Khu dân cư ngoài nhà ông Tám)	499,90		1.099.780.000		219.956.000	200.000	
1	6	246,50	2.200.000	542.300.000	17.000.000	108.460.000	100.000	
2	7	253,40	2.200.000	557.480.000	17.000.000	111.496.000	100.000	
III	Khu dân cư phía Đông QL1A cũ, khu phố Công Thạnh	9.557,37		85.485.591.000		17.097.118.200	14.600.000	
	KHU SỐ A2	1554,00		13.802.550.000		2.760.510.000	2.400.000	
3	14	162,50	10.440.000	1.696.500.000	51.000.000	339.300.000	200.000	Lô góc
4	15	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
5	16	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
6	17	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
7	18	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
8	19	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
9	20	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
10	21	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
11	22	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
12	23	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
13	24	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
14	25	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
	KHU SỐ A3	3428,58		30.965.753.400		6.193.150.680	5.200.000	
15	1	148,50	10.440.000	1.550.340.000	47.000.000	310.068.000	200.000	Lô góc
16	2	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	

STT	Đơn vị xã, phường và tục danh khu đất/ Ký hiệu lô đất	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm để đấu giá		Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Ghi chú
			Giá đất (đồng/m2)	Thành Tiền (đồng)				
17	3	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
18	4	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
19	5	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
20	6	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
21	7	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
22	8	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
23	9	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
24	10	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
25	11	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
26	12	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
27	13	186,30	10.440.000	1.944.972.000	59.000.000	388.994.400	200.000	Lô góc
28	14	170,21	10.440.000	1.776.992.400	54.000.000	355.398.480	200.000	Lô góc
29	15	120,83	8.700.000	1.051.221.000	32.000.000	210.244.200	200.000	
30	16	124,37	8.700.000	1.082.019.000	33.000.000	216.403.800	200.000	
31	17	126,37	8.700.000	1.099.419.000	33.000.000	219.883.800	200.000	
32	18	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
33	19	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
34	20	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
35	21	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
36	22	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
37	23	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
38	24	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
39	25	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
40	26	148,50	10.440.000	1.550.340.000	47.000.000	310.068.000	200.000	Lô góc
	KHU SỐ A4	4574,79		40.717.287.600		8.143.457.520	7.000.000	
41	1	183,77	10.440.000	1.918.558.800	58.000.000	383.711.760	200.000	Lô góc
42	2	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
43	3	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
44	4	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	

STT	Đơn vị xã, phường và tục danh khu đất/ Ký hiệu lô đất	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm để đấu giá		Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Ghi chú
			Giá đất (đồng/m2)	Thành Tiền (đồng)				
45	5	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
46	6	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
47	7	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
48	8	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
49	9	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
50	10	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
51	11	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
52	12	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
53	13	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
54	14	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
55	15	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
56	16	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
57	17	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
58	18	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
59	19	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
60	20	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
61	21	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
62	22	172,49	10.440.000	1.800.795.600	55.000.000	360.159.120	200.000	Lô góc
63	23	170,53	10.440.000	1.780.333.200	54.000.000	356.066.640	200.000	Lô góc
64	24	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
65	25	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
66	26	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	

1.07.000
STY
GIÁ
DANH
PHÚ
 JONG-T.P

STT	Đơn vị xã, phường và tục danh khu đất/ Ký hiệu lô đất	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm để đấu giá		Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Ghi chú
			Giá đất (đồng/m2)	Thành Tiền (đồng)				
67	27	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
68	28	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
69	29	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
70	30	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
71	31	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
72	32	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
73	33	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
74	34	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
75	35	126,50	8.700.000	1.100.550.000	34.000.000	220.110.000	200.000	
TỔNG CỘNG		10.057,27		86.585.371.000		17.317.074.200	14.800.000	

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ MINH NHÃ